

Bản án số: 170/2019/HS-ST

Ngày: 13 – 11 – 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Tuấn Việt.

2/ Bà Nguyễn Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 162/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2019/QĐXXST-HS ngày 30/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Quốc D; giới tính: Nam; sinh năm: 1990 tại Trà Vinh; nơi cư trú: (Nơi đăng ký HKTT: Ấp Đại Thôn A, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn A và bà Nguyễn Thị Kim E; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Kim L và có một con chung (sinh năm: 2019); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 21/6/2019 theo lệnh truy nã. (Có mặt).

2. Nguyễn Phú Q; giới tính: Nam; sinh ngày 09/5/1989 tại An Giang; nơi cư trú: (Nơi đăng ký HKTT: Số 108/1A Thoại Ngọc Hầu, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn E và bà Lê Thị I; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 21/6/2019 theo lệnh truy nã. (Có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm: 1974; nơi cư trú: Số 290D/6E Đường R, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm: 1972; nơi cư trú: 290/D8E Đường R, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quốc D là nhân viên thẩm định giá trị tài sản đối với tài sản của khách hàng khi họ đến cầm cố tài sản tại tiệm cầm đồ NA 3 (số 853 Đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) do bà Nguyễn Thị Hồng A làm chủ. Nguyễn Phú Q là khách hàng thường đến tiệm cầm đồ NA 3 để cầm đồ, nên quen biết với Phạm Quốc D. Do cần tiền tiêu xài, nên từ ngày 12/7/2018 đến tháng 11/2018, Phạm Quốc D đã có hành vi móc nối cùng Nguyễn Phú Q để chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Hồng A. Trong thời gian trên, Q mang vàng giả đến gặp D để liên hệ cầm, sau khi kiểm tra vàng; mặc dù biết là vàng giả, nhưng D vẫn đồng ý cầm cho Q, sau đó D báo cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ (là nhân viên tiệm cầm đồ NA 3) để bà Đ in biên lai và đưa tiền cho D để đưa cho Q (chị Đẹp không biết vàng Q mang đến cầm là vàng giả).

Thời gian từ ngày 12/7/2018 đến tháng 11/2018 D đã cùng Q thực hiện 43 lần cầm vàng giả để chiếm đoạt của bà A tổng số tiền là 136.700.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng). Mỗi lần cầm được số tiền từ 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đến 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) thì D được Q chia cho 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng), cầm được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) thì D được Q chia cho 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), cầm được từ 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) đến 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) thì D được Q chia cho 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), cầm được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) thì D được Q chia cho 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), cầm được 4.000.000 đồng thì D được Q chia cho 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Vào khoảng 10 giờ, ngày 01/12/2018, bà Nguyễn Thị Hồng A kiểm tra lại số tài sản khách hàng mang đến cầm tại tiệm cầm đồ của mình thì phát hiện sự việc trên, nên đến Công an Phường 4, Quận 8 trình báo. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra làm rõ.

Qua giám định 45 mẫu của 43 hợp đồng cầm vàng do D nhận cầm từ Q gồm: 38 sợi dây chuyền, 02 lắc tay, 04 nhẫn và 01 mặt dây chuyền, kết quả có 01 sợi dây chuyền có hàm lượng 97,92% là vàng, trọng lượng 0,533 chỉ, có giá trị 1.812.200 đồng; còn lại tất cả là hợp kim không có vàng (vàng giả).

Quá trình xác minh tin báo, đến ngày 02/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam đối với Phạm Quốc D và Nguyễn Phú Q để điều tra làm rõ về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do D và Q bỏ trốn, nên Cơ quan điều tra quyết định truy nã và đến ngày 21/6/2019 Q và D ra đầu thú.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Phú Q khai nhận: Số vàng giả đem cầm là do Q mua lại từ một người đàn ông tên Trung (không rõ lai lịch) với giá từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đến 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) mỗi sợi dây chuyền và mua của một số người bán trang sức dạo (đều không rõ lai lịch) rồi mang đến cầm cho D. Sau khi chia cho D theo thỏa thuận như đã nêu trên, số tiền còn lại Q hưởng. Ngoài ra, Q còn nhận số vàng giả từ Trung, Phước, Huy, Hải, Nguyễn Thần Tài, Vương, Duy, Cúc, Minh, Hùng, Tuấn, Tuấn Anh (tất cả đều không rõ lai lịch) để mang đến cầm cho D tại tiệm cầm đồ NA 3. Mỗi lần cầm được vàng thì Q được số người nêu trên chia cho từ 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) đến 70.000 đồng (Bảy mươi nghìn đồng), có được tiền Q tiêu xài cá nhân hết. Trong thời gian cầm vàng giả thì Q lấy nhiều tên khác nhau để cầm vàng và thường xuyên đến đóng tiền lãi cầm đồ để tránh bị phát hiện. Số tiền Q hưởng lợi từ việc

cầm vàng giả khoảng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Ngoài ra, Q cho biết sợi dây chuyền bằng vàng thật nêu trên do Q mua lại của Trung, khi mua thì Trung cho biết đây là vàng thật, nhưng chưa đủ tuổi; chứ không phải vàng giả. Phạm Quốc D khai được hưởng lợi từ việc giúp Q cầm vàng giả khoảng 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và tiêu xài hết.

Quá trình điều tra, gia đình Phạm Quốc D đã khắc phục bồi thường cho bà A số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), bà A yêu cầu được bồi thường số tiền còn lại là 96.700.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Q tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền còn lại cho bà A theo yêu cầu của bà A là 96.700.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng); nên bị cáo phải có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, có số IMEI 1: 353973/05/390080/0, số IMEI 2: 353974/05/390080/0; 03 biên nhận cầm đồ số: A18/3380, A18/4126, A18/3694 (do Nguyễn Phú Q giao nộp).

- 38 sợi dây chuyền, 02 lắc tay, 04 nhẫn và 01 mặt dây chuyền (được bỏ trong 43 gói, được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 43) do bà Hồng Ánh giao nộp.

- 01 hợp đồng cầm đồ số A18/1653 do bà Hồng Đẹp giao nộp.

Bản cáo trạng số 162/CT – VKS ngày 24/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo: Phạm Quốc D, Nguyễn Phú Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm c Khoản 2 và Khoản 5 Điều 174; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 33; Điều 45; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Phạm Quốc D mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Điểm c Khoản 2 và Khoản 5 Điều 174; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 33; Điều 45; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử phạt bị cáo Nguyễn Phú Q mức án từ 04 năm đến 05 năm tù. Đồng thời buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được theo yêu cầu của bị hại số tiền là 96.700.000 đồng.

- Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng:

- + Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung, có số IMEI 1: 353973/05/390080/0, số IMEI 2: 353974/05/390080/0 (thu giữ của bị cáo Q) vì sử dụng vào việc phạm tội.

- + Trả lại cho bị cáo Q sợi dây chuyền bằng vàng thật (có hàm lượng 97,92% là vàng), trọng lượng 0,533 chỉ; nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- + Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án các hợp đồng cầm đồ và các biên nhận đóng lãi (có trong hồ sơ vụ án).

- + Tịch thu và tiêu hủy số vàng mà bị cáo Q và D dùng để thực hiện hành vi phạm tội {được để trong 01 túi đã được đóng kiện niêm phong PNJ-02085, bên trong có 43 bịch

được đánh số từ 01 đến 43; qua kiểm định tất cả đều là hợp kim không có vàng (vàng giả)}.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Quốc D và Nguyễn Phú Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Do muốn có tiền tiêu xài, nên các bị cáo đã cùng nhau sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại trong khoảng thời gian từ ngày 12/7/2018 đến tháng 11/2018. Địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là tại tiệm cầm đồ NA 3 (số 853 Đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt là 136.700.000 đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng).

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo: Phạm Quốc D và Nguyễn Phú Q đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Quốc D và Nguyễn Phú Q đã chiếm đoạt tài sản của bị hại tổng cộng là 136.700.000 đồng; nên thuộc trường hợp “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, các bị cáo Phạm Quốc D và Nguyễn Phú Q phải bị xét xử theo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, các bị cáo phạm tội còn thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”; đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tính đồng phạm và về nhân thân: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính giản đơn. Bị cáo Q là người chủ mưu, rủ rê; bị cáo D với vai trò là đồng phạm giúp sức rất tích cực. Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc vai trò đồng phạm cũng như tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt.

Ngoài ra, các bị cáo bỏ trốn trong giai đoạn điều tra, sau đó ra đầu thú (vì trước đó đã bị Cơ quan điều tra truy nã); việc các bị cáo bỏ trốn đã gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng; nên Hội đồng xét xử cũng cần phải lưu ý khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; gia đình bị cáo D đã bồi thường một phần thiệt hại về tài sản cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả đã gây ra; sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[6] Bản cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo Phạm Quốc D và Nguyễn Phú Q là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt một số tiền nhất định từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Nhưng xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành, nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng bị hại có yêu cầu được bồi thường số tiền bị chiếm đoạt còn lại (không thu hồi được) là 96.700.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Phú Q đồng ý tự nguyện chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản đã chiếm đoạt của bị hại (không thu hồi được) theo yêu cầu của bị hại. Vì vậy, bị cáo Q phải có trách nhiệm thực hiện việc bồi thường một lần số tiền như trên cho bị hại, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu trong giai đoạn điều tra và vắng mặt tại phiên tòa, nên không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng:

- + 01 điện thoại di động hiệu Samsung, có số IMEI 1: 353973/05/390080/0, số IMEI 2: 353974/05/390080/0 (thu giữ của bị cáo Q) đã sử dụng vào việc phạm tội; nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- + Sợi dây chuyền cổ hợp kim màu vàng – bích số 1, trọng lượng 2,0 (có hàm lượng 97,92% Au) được để trong 01 túi đã được đóng kiện niêm phong PNJ-02085; cần trả lại cho bị cáo Q (nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án).

- + Các hợp đồng cầm đồ và các biên nhận đóng lãi (có trong hồ sơ vụ án), cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- Số vàng bị cáo Q và D dùng để thực hiện hành vi phạm tội, được để trong 01 túi đã được đóng kiện niêm phong PNJ-02085, bên trong có 43 bích được đánh số từ 01 đến 43; qua kiểm định tất cả đều là hợp kim không có vàng (vàng giả); nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với các đối tượng không xác định được lai lịch gồm: Trung, Phước, Huy, Hải, Nguyễn Thần Tài, Vương, Duy, Cúc, Minh, Hùng, Tuấn, Tuấn Anh; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 không có căn cứ xử lý trong vụ án này.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 174, điểm g Khoản 1 Điều 52, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: 1/ Bị cáo Phạm Quốc D 04 (Bốn) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 21/6/2019.

2/ Bị cáo Nguyễn Phú Q 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 21/6/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo: Phạm Quốc D, Nguyễn Phú Q.

Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 589, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Phú Q có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản không thu hồi được cho bị hại là bà Nguyễn Thị Hồng A, với số tiền là 96.700.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Đối với trường hợp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung, có số IMEI 1: 353973/05/390080/0, số IMEI 2: 353974/05/390080/0.

+ Tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án các hợp đồng cầm đồ và các biên nhận đóng lãi (được Cơ quan CSĐT Công an Quận 8 đánh số bút lục gồm: Từ số 61 đến số 63, từ số 73 đến số 249 và số 264).

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Phú Q sợi dây chuyền cổ hợp kim màu vàng – bạch số 1 (trọng lượng 2,0, có hàm lượng 97,92% Au) được để trong 01 túi đã được đóng kiện niêm phong PNJ-02085. (Nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án).

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (Một) túi đã được đóng kiện niêm phong PNJ-02085, bên trong có 43 bạch được đánh số từ 01 đến 43 (trừ sợi dây chuyền cổ hợp kim màu vàng – bạch số 1 (trọng lượng 2,0, có hàm lượng 97,92% Au)).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 12/11/2019 tại Chi cục THADSQ8, giữa người giao là ông Huỳnh Dũ Thuyền, chức vụ: ĐTV/CAQ8 thuộc Cơ quan CSĐT/CAQ8 và người nhận là ông Nguyễn Vinh Thịnh, chức vụ: Thủ kho thuộc Cơ quan Chi cục THADS Q8).

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Phú Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.835.000 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Phạm Quốc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8, TP.HCM;
- CQTHAHS Q.8, TP.HCM;
- NTG CAQ.8, TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trúc